

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của HĐND tỉnh về thống nhất số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1325/TTr-STC ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Công văn số 1334/STC-GCS ngày 16 tháng 5 năm 2024).

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được giao thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung**

Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục Quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo Phụ lục kèm theo tại Quyết định này, quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành.

2. Sở Tài chính:

Có trách nhiệm thẩm định tiêu chuẩn, định mức mua sắm, thanh lý, thu hồi, điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung theo đúng quy định.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 6 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Nguyễn Thảo**

**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH VỀ SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC**  
**CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN ĐƯỢC**  
**GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ**  
**ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 22/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2024*  
*của UBND tỉnh Phú Yên)*

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30 xe</b>	<b>24 xe</b>	<b>06 xe</b>	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công
3	Văn phòng UBND tỉnh	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22 xe	22 xe		
4.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Sở)	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
4.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01 xe	01 xe		Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
4.3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 xe	01 xe		Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
4.4	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
1	2	3	4	5	6
4.5	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
4.6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
4.7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
4.8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
4.9	Chi cục Kiểm lâm	14 xe	14 xe		
4.9.1	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
4.9.2	Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	02 xe	02 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
4.9.3	Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã, thành phố (09 Hạt)	01 xe	09 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Phú Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Tây Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Tuy An	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Sông Hinh	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Xuân	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm huyện Sơn Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm thị xã Sông Cầu	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
1	2	3	4	5	6
-	Hạt Kiểm lâm thị xã Đông Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
-	Hạt Kiểm lâm thành phố Tuy Hòa	01 xe	01 xe		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
4.9.4	Ban Quản lý rừng đặc dụng Krông Trai	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
4.9.5	Ban Quản lý rừng đặc dụng Đèo Cả	01 xe	01 xe		Kiểm lâm
<b>5</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>01 xe</b>		<b>01 xe</b>	
	Trung tâm nuôi dưỡng người có công và công tác xã hội	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công, bảo trợ xã hội
<b>6</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>02 xe</b>	<b>02 xe</b>		Điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản
<b>7</b>	<b>UBND thành phố Tuy Hòa</b>	<b>01 xe</b>		<b>01 xe</b>	
	Văn phòng Thành ủy	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công
<b>8</b>	<b>UBND thị xã Đông Hòa</b>	<b>01 xe</b>		<b>01 xe</b>	
	Văn phòng Thị ủy	01 xe		01 xe	Phục vụ người có công